

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
NĂM 2021
(Ngày 26 tháng 11 năm 2021)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ LAN ANH Ngày tháng năm sinh: 05/10/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Bình Khê
- Nơi thường trú: Khu 2 – P. Đông Triều - TX Đông Triều – Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022179003413 ngày cấp 28/06/2021 nơi cấp Cục cảnh sát.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: HỒ NGỌC DŨNG Ngày sinh: 28/12/1973
- Nghề nghiệp: Viên chức
- Nơi làm việc: Trung tâm Truyền thông VH thị xã Đông Triều - Đông Triều - Quảng Ninh
- Nơi thường trú: Khu 2 – P. Đông Triều - TX Đông Triều – Quảng Ninh
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022073008383 ngày cấp 10/08/2021 nơi cấp Cục cảnh sát.
- Làm thêm nghề thi công thiết kế biển Quảng cáo, truyền thông sự kiện.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: HỒ NHẬT MINH
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/7/2003
- Nơi thường trú: Khu 2 – P. Đông Triều - TX Đông Triều – Quảng Ninh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022203007833 ngày cấp 12/08/2021 nơi cấp Cục cảnh sát .

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: HỒ NHẬT QUANG

- Ngày, tháng, năm sinh: 07/9/2005

- Nơi thường trú: Khu 2 – P. Đông Triều - TX Đông Triều – Quảng Ninh

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022205007567 ngày cấp 31/05/2021 nơi cấp Cục cảnh sát.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất

- Địa chỉ: Khu đô thị mới Kim Sơn – Đông Triều - Quảng Ninh

- Diện tích: 297,0m²

- Giá trị: 1.000.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: BX198899

- Ngày cấp: 28/12/2014

1.1.2. Thửa thứ hai:

- Địa chỉ: Số 26 - Khu 2- P. Đông Triều – Đông Triều - Quảng Ninh

- Diện tích: 80,0 m²

- Giá trị: 300.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Y 614772

- Ngày chuyển nhượng: 13/04/2016

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở

2.2.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: Số 250 - Khu 2 - P.Đông Triều – TX Đông Triều – Quảng Ninh

- Diện tích: 61,9 m²

- Giá trị: 1.000.0000.0000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: BX013023

- Ngày cấp lại sổ: 09/04/2015

2.2.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ: Số 24 - Khu 2. P. Đông Triều – TX Đông Triều – Quảng Ninh

- Diện tích xây dựng: 80 m²

- Giá trị: 500.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: BH 149572

- Ngày cấp: 17/04/2014

2.2.2. Nhà thứ ba:

- Địa chỉ: Số 01 - Khu 2. P. Đông Triều – TX Đông Triều – Quảng Ninh

- Diện tích xây dựng: 80.0 m²

- Giá trị: 1.000.000.000

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: CY912863

- Ngày cấp: 14/4/2021

2.2. Công trình xây dựng khác: *Không có*

3. Tài sản gắn liền với đất: *Không có*

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: *Không có*

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: *Không có*

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): *Không có*

6.1. Cổ phiếu: *Không có*

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: *Không có*

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: *Không có*

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: *Không có*

- Tên giấy tờ có giá: Giá :

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Ô tô: 01 xe Toyota Altis 1.8 đời 2012, giá trị 300.000.000đ.

01 xe Kia morning Si 1.2 đời 2016, giá trị 200.000.000đ.

- Mô tô: *Không có*

- Xe gắn máy: 01 xe Lead

- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác): *Không có*

- Tàu thủy: *Không có*

- Tàu bay: *Không có*

- Thuyền: *Không có*

- Những bất động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký): *Không có*

7.2. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (*như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác*): *Không có*

8. Tài sản ở nước ngoài: *Không có*

9. Tài khoản ở nước ngoài: *Không có*

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai (lương giảm từ 01/07/2021 do cát phụ cấp khu vực): 113.400.000đ
- Tổng thu nhập của chồng gồm lương khi là giáo viên 66.000.000 cộng với lương khi chuyển sang là viên chức của TTVHTT (từ 01/07/2021) là 42.000.000. Và thu nhập từ nghề Thi công thiết kế Quảng cáo là: 500.000.000
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: *Không có*
- Tổng các khoản thu nhập chung: 721.400.000

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	+ 80,0 m2	01 tỉ đồng	Mua nhà từ nguồn thu nhập làm thêm từ nghề thi công Thiết kế biển Quảng cáo của chồng và vay từ ngân hàng.

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.		721.400.000 đ	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp là của cả 02 vợ chồng là 221.400.000đ - Thu nhập từ nguồn làm thêm nghề Thi công thiết kế Quảng cáo là 500.000.000đ

Đông Triều, ngày 26 tháng 11 năm 2021
Người nhận Bản kê khai

Đông Triều, ngày 26 tháng 11 năm 2021
Người kê khai tài sản

Trịnh Quang Hưng
(P. HIỆU TRƯỞNG)

Nguyễn Thị Lan Anh

